

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 243/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Trung
- Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị **Mai Thị L**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phạm Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống anh và chị L chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 anh và chị L phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sự việc không được tháo gỡ và kéo dài, từ đó mâu thuẫn càng phát sinh gay gắt và trầm trọng thêm, anh và chị L quyết định sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay, xét thấy hôn nhân

giữa anh và chị L không còn hạnh phúc và không thể kéo dài đời sống vợ chồng được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Mai Thị L có hai người con chung tên: Phạm Kim Nh, sinh ngày 26/7/2003 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 01/01/2004; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Mai Thị L không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống anh và chị Mai Thị L không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là chị Mai Thị L được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà chị L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn B. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là anh Phạm Văn B có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là chị Mai Thị L vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của chị L về yêu cầu ly hôn của anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa anh Phạm Văn B và chị Mai Thị L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là chị Mai Thị L vắng mặt không lý

do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Mai Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo trình bày của anh Phạm Văn B thì trong thời gian chung sống anh và chị Mai Thị L phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sự việc không được tháo gỡ và kéo dài, từ đó mâu thuẫn càng phát sinh gay gắt và trầm trọng thêm, anh và chị L quyết định sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay; nay, xét thấy hôn nhân giữa anh và chị L không còn hạnh phúc và không thể kéo dài đời sống vợ chồng được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị L. Đối với chị Mai Thị L, trong quá trình tố tụng chị L không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn B, như vậy chị L đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với anh B. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Phạm Văn B và chị Mai Thị L không còn, anh B cương quyết ly hôn, chị L không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa anh B và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác, anh Phạm Văn B và chị Mai Thị L chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh B và chị L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Theo trình bày của anh Phạm Văn B thì trong thời gian chung sống anh B và chị Mai Thị L có hai người con chung tên: Phạm Kim Nh, sinh ngày 26/7/2003 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 01/01/2004; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Theo trình bày anh Phạm Văn B thì trong thời gian chung sống anh B và chị Mai Thị L không có tài sản chung, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của anh Phạm Văn B thì trong thời gian chung sống anh B và chị Mai Thị L không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn B và chị Mai Thị L.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn B trình bày có hai người con chung tên: Phạm Kim Nh, sinh ngày 26/7/2003 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 01/01/2004; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn B trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Anh Phạm Văn B trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Phạm Văn B phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008412 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Anh Phạm Văn B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền